HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 90/2026/NQ-HĐND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ sản xuất lúa, bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP của Chính phủ ban hành quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 33/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Xét Tờ trình số 1495/TTr-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ sản xuất lúa, bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 489/BC-BKTNS ngày 28 tháng 10 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ sản xuất lúa, bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ sản xuất lúa, bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh cho các hoạt động quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

Nội dung hỗ trợ tại điểm a khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 61/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và Nghị quyết số 496/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc áp dụng "Nghị quyết số 21/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu" trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (sau sắp xếp).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước; người sử dụng đất trồng lúa và các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ

1. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Đất trồng lúa được hỗ trợ: Đất chuyên trồng lúa; đất trồng lúa còn lại, trừ đất lúa nương được mở rộng tự phát không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa; đất chuyên trồng lúa tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Diện tích đất trồng lúa được hỗ trợ được xác định theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP;

c) Việc hỗ trợ đảm bảo đúng đối tượng, phạm vi, nội dung, định mức, tính thống nhất, tiết kiệm, công khai, minh bạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan;

d) Các nội dung chi hỗ trợ không trùng lặp với các chính sách hỗ trợ từ nguồn ngân sách khác. Đảm bảo phù hợp theo phân cấp ngân sách và khả năng cân đối ngân sách địa phương. Trường hợp có nhiều chính sách hỗ trợ cùng một nội dung, đối tượng thụ hưởng được áp dụng chính sách hỗ trợ cao nhất.

2. Phạm vi hỗ trợ

Kinh phí hỗ trợ sản xuất lúa, bảo vệ đất trồng lúa được phân bổ cho địa phương có đất trồng lúa (trừ diện tích được mở rộng tự phát không theo quy hoạch,

kế hoạch sử dụng đất trồng lúa) và cơ quan chuyên môn cấp Thành phố thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ sản xuất, bảo vệ đất trồng lúa.

3. Định mức hỗ trợ

a) Cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa: hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất theo quy định tại Điều 54 Luật Đất đai và Chương VII Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT quy định kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai; kỹ thuật bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất;

b) Đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 05 năm/lần: hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện điều tra, đánh giá về chất lượng đất, tiềm năng đất đai theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Đất đai và Chương II Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT;

c) Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn cấp xã: hỗ trợ kinh phí thực hiện theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

d) Hỗ trợ mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ: hỗ trợ 100% kinh phí mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ theo nhu cầu thực tế được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Hỗ trợ kinh phí mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn Thành phố có liên kết, hợp tác với nông dân sản xuất, kinh doanh giống lúa đáp ứng quy định tại Điều 11 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Giống lúa được hỗ trợ kinh phí mua bản quyền sở hữu phải đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 13 Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14, đảm bảo phạm vi lưu hành phù hợp với điều kiện thực tế tại Thành phố.

4. Việc sử dụng kinh phí hỗ trợ

Các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ có trách nhiệm sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả theo quy định pháp luật.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước chi thường xuyên hỗ trợ sản xuất lúa trong dự toán chi cân đối ngân sách địa phương.

2. Nguồn kinh phí do người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp theo quy định.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại nội dung đề xuất đối với các hoạt động hỗ trợ sản xuất lúa, bảo vệ đất trồng lúa theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP được ban hành sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 11 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khoá XI, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 30 tháng 10 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVNTP;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố;
- Văn phòng: Thành ủy, Đoàn ĐBQH & HĐND, UBND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp xã;
- Trung tâm Thông tin điện tử Thành phố;
- Lưu: VT, (P.CTHĐND-Tm).

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Võ Văn Minh